

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28/5/2019

“V/v: Tranh chấp hôn nhân
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long và bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1009/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 19/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị T. Sinh năm 1987.

Trú tại: Đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Vũ N. Sinh năm 1985.

Trú tại: Đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 31/10/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Chị T và anh Phan Vũ N kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Bôk, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/9/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc. Nay do

tình cảm yêu thương của vợ chồng và hạnh phúc gia đình không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin ly hôn anh Phan Vũ N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Vũ Quốc H, sinh ngày 01/5/2014.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Phan Vũ Quốc H đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phan Vũ N trong bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị T trình bày là đúng, anh N không bổ sung gì thêm. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh N đã nhiều lần chị T buồn. Nhưng anh N thật sự vẫn còn rất thương yêu vợ con. Vì vậy, nay chị T xin ly hôn thì anh N không đồng ý ly hôn chị T.

+ Về con chung: Có 01 con chung cháu Phan Vũ Quốc H, sinh ngày 01/5/2014. Anh N đồng ý giao con chung Phan Vũ Quốc H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Tột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Vũ N đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Anh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N không tham gia tố tụng đầy đủ để giải quyết vụ án, anh N cố tình

vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị T và anh Phan Vũ N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Bôk, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/9/2012. Sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc.

Năm 2017, chị T đã xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, nhưng sau đó, chị T đã rút đơn khởi kiện để tạo điều kiện cho cả hai vợ chồng xây dựng lại hạnh phúc gia đình, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đình chỉ vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số: 266/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/10/2017.

Sau đó, năm 2018, chị T lại xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và chị T lại rút đơn khởi kiện, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đình chỉ vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số: 99/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2018.

Nhưng nay tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N vẫn không được cải thiện, nên chị T tiếp tục gửi đơn xin được ly hôn anh N.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của chị T và anh N ngày 21/3/2019, chính quyền địa phương cung cấp kết quả: Quá trình chung sống, chị T và anh N xảy ra mâu thuẫn trong một vài năm trở lại đây. Nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không biết. Chị T đã gửi đơn xin ly hôn nhiều lần tại Tòa án.

Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh N tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu của chị T xin được ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là Phan Vũ Quốc H, sinh ngày 01/5/2014.

Chị T và anh N thống nhất giao con chung Phan Vũ Quốc H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nên cần chấp nhận. Giao con chung Phan Vũ Quốc H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST. Chị T được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí LHST đã nộp theo biên lai số

AA/2017/0008469 ngày 13/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị T. Cho chị Võ Thị T được ly hôn anh Phan Vũ N.

[2] Về con chung: Giao con chung Phan Vũ Quốc Huy, sinh ngày 01/5/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu.

Anh Bình có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong quá trình chị T nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST. Chị T được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí LHST đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008469 ngày 13/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- UBND xã Ea Bhôk, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải